

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 110/2024/HS-ST
Ngày: 31 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Mạnh Hùng

+ Bà Nguyễn Thị Xuân Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 và ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 219/2024/HSST-QĐ ngày 04/6/2024, đối với bị cáo:

Võ Minh D, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1984. Trú tại: Số D T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện nay: Số A đường N, tổ dân phố T phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần D1; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Minh L và bà Bùi Thị Kim C; Bị cáo có vợ: Trần Thị Kiều O và có 03 con: lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Lê S, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị Tâm T, sinh năm 1992. Cùng trú tại: Số C - C đường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đỗ Tấn T1, sinh năm 1992; Trú tại: Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1983; Trú tại: Đ, thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa

+ Anh Võ Đông H1, sinh năm 1990; trú tại: Tổ H A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt tại phiên tòa

+ Ông Võ Minh L, sinh năm 1959; Trú tại: Số A đường N, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/6/2020, Võ Minh D mang chiếc xe ô tô TOYOTA VIOS biển kiểm soát 76A – 087.05, do ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1983; Cư trú tại Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi đứng tên chủ sở hữu, được D thuê lại của ông T2 để làm dịch vụ kinh doanh đến gara ô tô của anh Lê S sửa chữa. Khi mang xe đến gara ô tô của anh Lê S, sinh năm 1991; Cư trú: Số C đường N, thành phố Q (Chủ gara ô tô S) để sửa chữa, Võ Minh D nói với anh S về việc muốn bán chiếc xe này thì ông S ngỏ ý muốn mua. D nói với anh S xe này của D đứng tên chủ sở hữu hiện đang thế chấp giấy tờ xe ở ngân hàng, nếu mua xe thì D sẽ làm thủ tục tắt toán ngân hàng lấy giấy tờ xe ra để giao cho ông S. Tin tưởng xe này của Võ Minh D giống như chiếc xe ô tô đầu tiên mà D đã bán cho anh S nên anh S đồng ý mua với số tiền **375.000.000**đồng. Từ ngày 29/6/2020 đến ngày 18/7/2020, vợ chồng anh S đã chuyển số tiền **382.000.000**đồng cho D thông qua số tài khoản 0571.00000.2454 – Ngân hàng V mang tên Võ Minh D, bao gồm số tiền **375.000.000**đồng để mua xe ô tô BKS 76A – 087.05 và trả nợ cho D số tiền **7.000.000**đồng khi mua xe ô tô BKS 43A – 422.40 trước đó. D sử dụng số tiền bán xe để trả nợ tiền ngân hàng các hợp đồng xe khác của D và không thông báo cho chủ xe ông Nguyễn Hữu T2 biết.

Ngày 11/9/2020 và 23/9/2020, anh Lê S, ông Nguyễn Hữu T2 làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tố cáo Võ Minh D có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐGTS ngày 19/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản cấp tỉnh trong tố tụng hình sự tỉnh Quảng Ngãi kết luận: 01 (một) xe ô tô BKS 76A – 087.05; loại xe TOYOTA; nhãn hiệu VIOS; màu sơn trắng; số khung: RL4B23F37J5055850; số máy: 2NRX397567 có giá trị: **390.000.000 đồng**.

- Tại bản cáo trạng số 145/CT-VKS ngày 08/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Võ Minh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Minh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Minh D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam.

Về phần dân sự: Bị cáo cùng cha ruột là ông Võ Minh L đã khắc phục hậu quả và bồi thường số tiền 375.000.000đồng cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại anh Lê S, chị Nguyễn Thị Tầm T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Tấn T1, Võ Đông H1, Võ Minh L vắng mặt. Việc vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về giới hạn việc xét xử: Sau khi thụ lý, Hội đồng xét xử xét thấy ngoài hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo còn thực hiện hành vi khác có dấu hiệu phạm tội nên đã trả hồ sơ điều tra bổ sung 02 lần. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi có văn bản không đồng ý và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Căn cứ giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[4] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Võ Minh D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

[4.1] Để có tiền trả nợ ngân hàng, ngày 27/6/2020 bị cáo Võ Minh D mang xe ô tô BKS **76A – 087.05**, loại xe TOYOTA VIOS do ông Nguyễn Hữu T2 đứng

tên chủ sở hữu được bị cáo thuê lại để làm dịch vụ kinh doanh, đến gara ô tô của ông Lê S để sửa chữa; Sau đó bị cáo D cung cấp các thông tin gian dối về việc bị cáo là chủ sở hữu chiếc xe, đang thế chấp giấy tờ xe ở ngân hàng để anh Lê S tin tưởng và bán xe ô tô này cho anh S với số tiền **375.000.000**đồng. Sau khi đã nhận đủ số tiền trên, bị cáo D giao xe cho anh S, bị cáo không nói cho ông T2 biết và không đưa lại tiền cho ông T2 để làm thủ tục tắt toán ngân hàng, lấy giấy đăng ký xe ô tô BKS 76A – 087.05 và làm thủ tục sang tên cho ông S mà sử dụng số tiền này trả nợ cho ngân hàng các hợp đồng xe ô tô khác của bị cáo, chiếm đoạt số tiền **375.000.000**đồng của anh Lê S.

[4.2] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi đưa ra thông tin gian dối để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền trả nợ nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[6] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo cùng cha ruột là ông Võ Minh L đã khắc phục hậu quả và bồi thường số tiền 375.000.000 đồng là tiền mua bán chiếc xe ô tô mang BKS 76A-087.05 cho bị hại. Bị hại anh Lê S có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đồng thời, cha bị cáo là Võ Minh L được Bộ trưởng Bộ Q tặng Bằng khen, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Quốc tế về vang tại Campuchia. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của điều luật đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về phần dân sự: Bị cáo cùng cha ruột là ông Võ Minh L đã khắc phục hậu quả và bồi thường số tiền 375.000.000đồng cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

Đối với ông Nguyễn Hữu T2 đã nhận lại xe ô tô BKS 76A – 087.05 và không có yêu cầu gì về phần dân sự nên không xem xét.

[8] Kiến nghị:

[8.1] Ngoài thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, vào ngày 20/7/2020, bị cáo Võ Minh D có thỏa thuận bán chiếc xe ô tô Foturer, biển số kiểm soát 43A-479.19 cho anh Lê S, chị Nguyễn Thị Tâm T với số tiền 800.000.000đồng. Xe do Công ty TNHH D1 (viết tắt là Công ty D1) đứng tên chủ sở hữu và bị cáo D là Giám đốc của Công ty D1. Bị cáo cho anh S, chị T xem bản phô tô giấy tờ xe, giấy tờ thể chấp quyền sở hữu chiếc xe ô tô để đảm bảo cho khoản vay của Công ty D1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - chi nhánh S1 - Phòng giao dịch Nguyễn Văn L1. Bị cáo nói với anh S, chị T nếu mua thì chuyển tiền bị cáo sẽ tắt toán với Ngân hàng lấy xe và giấy tờ ra giao cho ông S, bà T.

Ngày 24/7/2020, bị cáo D dẫn anh S, chị T đến Ngân hàng để xác minh thông tin và gặp chị Phan Bảo C1 là nhân viên Ngân hàng. Chị C1 xác nhận ngân hàng đang giữ tài sản bảo đảm là chiếc xe Foturer, biển số kiểm soát 43A-479.19 và giấy tờ xe của Công ty D1. Tin tưởng bị cáo nên anh S, chị T đồng ý mua xe ô tô biển kiểm soát 43A-479.19 với giá 800.000.000đ, hai bên viết giấy mua bán xe ngày 24/7/2020 và cam kết đến ngày 31/7/2020 bị cáo D phải trả nợ Ngân hàng bàn giao xe và giấy tờ xe cho ông S, bà T. Sau khi ký hợp đồng mua bán xe, trong ngày 24/7/2020 chị T đã chuyển đủ số tiền 800.000.000đ vào tài khoản ngân hàng P của Công ty D1. Nhận được số tiền trên, bị cáo D không tắt toán với Ngân hàng để lấy giấy tờ đăng ký xe ra theo thỏa thuận mà làm thủ tục ủy nhiệm chi số tiền 305.000.000đồng sang tài khoản cá nhân bị cáo D để sử dụng mục đích khác. Số tiền còn lại trong tài khoản của Công ty D1 là 495.000.000 đồng không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay nên Ngân hàng không thực hiện việc giải chấp chiếc xe. Ngày 30/7/2020, anh S liên lạc với chị C1 nhân viên ngân hàng hỏi về chiếc xe biển kiểm soát 43A-479.19 nêu trên thì chị C1 nói Ngân hàng đã trả lại xe cho bị cáo D. Ngày 31/7/2020, anh S có văn bản đề nghị N phong tỏa tài khoản của Công ty D1 lấy lại được số tiền 495.000.000đồng còn lại. Trong ngày 31/7/2020, anh S yêu cầu bị cáo D bàn giao xe ô tô và giấy tờ xe cho anh S nhưng bị cáo hẹn đến ngày 05/8/2020 sẽ bàn giao. Tuy nhiên sau đó, bị cáo không thực hiện cam kết, nhiều lần lẩn tránh không giao xe cũng như trả lại số tiền 305.000.000đồng cho ông S nên ngày 11/9/2020 anh S có đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q.

Như vậy, việc thỏa thuận mua chiếc xe Foturer, biển số kiểm soát 43A-479.19 và chuyển số tiền mua xe 800.000.000 đồng giữa D với anh S, chị T ban đầu là sự thỏa thuận dân sự. Tuy nhiên, sau khi Công ty D1 do D làm Giám đốc nhận được số tiền 800.000.000đồng do anh S, chị T chuyển vào tài khoản của

Công ty D1, thì bị cáo D đã ký ủy nhiệm chi số tiền 305.000.000đồng vào tài khoản cá nhân của D để chiếm đoạt của anh S, chị T và sau đó không thực hiện nghĩa vụ giao xe như đã cam kết. Thấy rằng, hành vi của bị cáo Võ Minh D ***có dấu hiệu*** của tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tiếp tục điều tra làm rõ, tránh bỏ lọt tội phạm.

[8.2] Ngoài ra, vào ngày 20/3/2020, bị cáo Duy mượn của anh Đỗ Tấn T1, sinh năm 1992; trú tại Thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi số tiền 100.000.000đồng và để lại 01 xe ô tô Chevrolet, biển số kiểm soát 43A-372.91 để làm tin. Bị cáo nói với anh T1 chiếc xe này là của bị cáo đang thế chấp tại Ngân hàng S2. Đến ngày 09/4/2020, bị cáo D nói muốn bán chiếc xe này và hỏi anh T1 có mua không, nếu đồng ý thì bị cáo sẽ tất toán với Ngân hàng L2 giấy tờ xe ra làm thủ tục sang tên cho anh T1, giá bán là 570.000.000đồng. Anh T1 đồng ý mua và bị cáo viết giấy bán xe đề ngày 09/4/2020, ký tên đóng dấu Công ty D1. Anh T1 chuyển khoản cho bị cáo D 470.000.000đồng, cộng với số tiền mượn 100.000.000đồng, tổng cộng là 570.000.000đồng. Theo giấy bán xe đề ngày 09/4/2020 thì bị cáo D có trách nhiệm rút hồ sơ sang tên cho anh T1, nhưng trong suốt khoảng thời gian sau đó bị cáo vẫn không thực hiện. Trên thực tế, chiếc xe ô tô Chevrolet, biển số kiểm soát 43A-372.91 là của anh Võ Đông H1 (sinh năm 1990, địa chỉ: Phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng) chủ sở hữu. Giữa anh H1 và bị cáo D có viết giấy bán xe vào ngày 11/2/2020 nhưng chưa sang tên giấy tờ xe sở hữu cho bị cáo D. Đồng thời, tại thời điểm này anh H1 đang nợ khoản vay tín dụng tại Ngân hàng S2 chi nhánh thành phố Đ và xe ô tô Chevrolet, biển số kiểm soát 43A-372.91 là tài sản để đảm bảo khoản nợ vay của anh H1 tại Ngân hàng. Như vậy, Tại thời điểm bị cáo D bán xe cho anh T1, bị cáo đã cung cấp thông tin không đúng sự thật, bị cáo biết xe ô tô Chevrolet, biển số kiểm soát 43A-372.91 là tài sản thế chấp Ngân hàng, bị cáo không phải là chủ sở hữu chiếc xe nêu trên nhưng vẫn đưa ra thông tin mình là chủ xe, cố tình viết giấy bán xe, ký tên và đóng dấu Công ty D1 nhằm để tạo lòng tin đối với anh T1 để anh T1 tin tưởng giao số tiền 570.000.000 đồng.

Sau đó, vào ngày 25/4/2020 anh T1 sử dụng chiếc xe nêu trên đi làm thì bị tai nạn; anh T1 có gọi cho D để hỏi giấy tờ xe và đến để xử lý thì bị cáo D bảo để bị cáo đưa xe về thành phố Đà Nẵng đến hãng xe để sửa chữa. Trong thời gian chờ sửa chữa từ ngày 25/4/2020 cho đến ngày bị phát hiện, thực tế xe không được mang về Đà Nẵng để sửa chữa, D mang xe về tại Gara xe ở địa chỉ số C đường N, phường Q, thành phố Q để sửa. Để tạo sự tin tưởng cho anh T1 và chị N1, D đưa ra thông tin không đúng sự thật, cụ thể: D nói xe đã được mang về hãng ở Đà Nẵng để sửa chữa và gửi bảng báo giá của hãng xe trên mạng xã hội Zalo cho anh T1, chị N1 để củng cố thêm lòng tin và có cơ sở để anh T1, chị N1 chuyển tiền, D còn cung cấp thông tin toàn bộ số tiền sửa chữa xe sẽ được Công ty bảo hiểm thanh toán, vì tin tưởng D nên anh T1, chị N1 tiếp tục chuyển tiền cho bị cáo 06

lần, tổng cộng số tiền 82.750.000đồng, nhưng thực chất không có sự việc được Công ty Bảo hiểm thanh toán và người đại diện của Công ty B đã từ chối thanh toán ngay từ lúc ban đầu. Sau khi sửa xe xong, bị cáo D không bàn giao xe cho anh T1 mà vẫn sử dụng chiếc xe này để kinh doanh. Nhiều lần anh T1 liên lạc, đến nhà yêu cầu bị cáo trả lại xe nhưng D bảo xe sửa xong bị tai nạn tiếp ở Thành phố Hồ Chí Minh và đang sửa chữa. Anh Thương yêu cầu bị cáo D trả xe hoặc trả lại tiền, bị cáo D nói với anh T1 để trả lại tiền và anh T1 đồng ý. Sau đó, bị cáo D viết một giấy mượn tiền cho anh T1 với nội dung có mượn anh T1 số tiền 650.000.000đồng, hẹn đến ngày 26/6/2020 sẽ trả 350.000.000đồng, còn lại 300.000.000đồng hẹn đến ngày 06/7/2020 sẽ trả hết. Tuy nhiên bị cáo chỉ mới trả cho anh T1 50.000.000đồng, anh T1 nhiều lần liên lạc đòi tiền nhưng bị cáo lần tránh không trả nên ngày 18/01/2021, anh T1 làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q.

Như vậy, thông qua việc giao kết hợp đồng mua bán xe (giấy mua bán xe ngày 09/4/2020) và việc sửa xe, Võ Minh D đã dùng thủ đoạn gian dối, cung cấp thông tin không đúng sự thật để tạo lòng tin chiếm đoạt của anh T1 tổng số tiền là 652.750.000 đồng. Xét thấy diễn biến hành vi của bị cáo như đã nêu trên ***có dấu hiệu*** của tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tiếp tục điều tra làm rõ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can tránh bỏ lọt tội phạm.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo có căn cứ, riêng về hình phạt áp dụng đối với bị cáo có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[10] Về án phí: Bị cáo Võ Minh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Võ Minh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Võ Minh D **04 (bốn)** năm **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 31/7/2024).

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bắt tạm giam bị cáo ngay tại phiên tòa để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Võ Minh D phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- CQCSĐT Công an Tp. Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Quảng Ngãi;
- Phòng NVLT Công an Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Thương

